

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 02 - 2021

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Lan.

2. Bà Lê Kim Chi.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vương Thị Hồng Nhó - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 20/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp về hôn nhân gia đình - Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Phi L., sinh ngày 01/6/1993. Địa chỉ: ấp T. 3, thị trấn M., huyện P., tỉnh An Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Huang Chi Ch., sinh ngày 05/9/1976. Địa chỉ: Số 168-1 đường Q., khóm 015, phường D., khu Đ., thành phố Đ., Đài Loan (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện; bản tự khai nguyên đơn bà Bùi Phi L. trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Huang Chi Ch. tự tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân năm 2011. Sau đó, cả hai đã đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 224 ngày 03/11/2011. Sau khi kết hôn, bà cùng ông Ch. sang Đài Loan sinh sống. Sống chung với nhau được 09 tháng thì cả hai phát sinh mâu thuẫn. Do đó, từ năm 2012 bà L. trở về Việt Nam sống và từ đó đến nay bà với ông Ch. không còn liên lạc với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà Bùi Phi L. xin ly hôn với ông Huang Chi Ch..

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Về phía bị đơn ông Huang Chi Ch.*: Đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý và Lịch làm việc của Tòa án theo đúng thủ tục ủy thác tư pháp. Bộ Tư pháp đã có văn bản trả lời đã nhận toàn bộ hồ sơ ủy thác cho bị đơn ông Huang Chi Ch. và tiến hành tổng đạt cho đương sự theo thời hạn luật định nhưng đến nay ông Huang Chi Ch. vẫn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Phi L..

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

Hội đồng xét xử đã công bố bản tự khai của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *[1] Về tố tụng:*

[1.1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Bùi Phi L. khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Huang Chi Ch. có địa chỉ cư trú tại Đài Loan nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

[1.2] Sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Bùi Phi L. có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn ông Huang Chi Ch., Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành vắng mặt các đương sự.

#### *[2] Về nội dung:*

##### *[2.1] Về quan hệ hôn nhân:*

Nguyên đơn bà Bùi Phi L. và bị đơn ông Huang Chi Ch. tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 224 ngày 03/11/2011 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Nhận thấy, tình cảm vợ chồng là phải xuất phát từ cả hai phía. Tuy nhiên, theo như bà L. trình bày thì sau khi kết hôn, bà đã cùng ông Ch. sang Đài Loan chung sống được 09 tháng thì hai bên phát sinh mâu thuẫn. Do đó, từ năm 2012 bà L. đã trở về Việt Nam sinh sống và từ đó đến nay bà với ông Ch. không còn liên lạc với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, mục đích của hôn nhân đạt được khi cả hai có tình cảm vợ chồng, cùng nhau xây dựng, vun đắp gia đình; nhưng thực tế bà L., ông Ch. đã không còn tình cảm, cả hai đã không còn sống chung với nhau từ lâu. Kể từ ngày ly thân, ông Ch. đã không có ý định thể hiện mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và cũng không có văn bản nào nêu ý kiến phản đối về yêu cầu ly hôn của bà L.. Do đó, bà Bùi Phi L. yêu cầu ly hôn ông Huang Chi Ch. là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng khác: Bà L. phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tổng đạt, ủy thác tư pháp theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, Điều 469, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27; Điều 44 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Phi L.;

1. Bà Bùi Phi L. được ly hôn với ông Huang Chi Ch.. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 224 ngày 03/11/2011 của Sở Tư pháp tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung, tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về nợ chung: Ghi nhận việc bà Bùi Phi L. và ông Huang Chi Ch. xác định không có tài sản chung và nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật nếu có người khởi kiện và xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà Bùi Phi L. và ông Huang Chi Ch. trong thời kỳ hôn nhân thì bà L. và ông Ch. phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Bùi Phi L. phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003311 ngày 01/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (đã nộp xong).

5. Về chi phí tố tụng: Bà Bùi Phi L. phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng chi phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006856 ngày 01/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (đã nộp xong).

6. Về quyền kháng cáo:

Bà Bùi Phi L. được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Huang Chi Ch. được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- UBND huyện P.;
- Phòng KTNV & THA;
- Tòa GD & NCTN
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Đường sự “để thi hành”;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thúy Hồng**